

PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG THỰC HÀNH CHO SINH VIÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Nhận bài:

15 – 04 – 2020

Chấp nhận đăng:

10 – 06 – 2020

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Bùi Đình Tuấn

Tóm tắt: Mục tiêu của giáo dục Đại học không chỉ cung cấp kiến thức hàn lâm mà phải hình thành được năng lực nghề nghiệp cho người học. Công tác xã hội là một nghề thực hành trực tiếp với con người, đòi hỏi kĩ năng thực hành nghề nghiệp phải hoàn thiện hơn. Để phát triển kĩ năng, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm sử dụng phương pháp ABCD để phát triển kĩ năng cho 66 sinh viên năm thứ 3 ngành Công tác xã hội. Thời gian thực nghiệm trong 45 ngày thực hành tại cộng đồng. So sánh kết quả giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng cho thấy, mức độ thực hiện kĩ năng của nhóm đối chứng có điểm trung bình ($x=2.53$), nhóm thực nghiệm ($x=2.92$). Như vậy, việc ứng dụng phương pháp ABCD để phát triển kĩ năng thực hành công tác xã hội cho sinh viên đã đem lại hiệu quả.

Từ khóa: phương pháp ABCD; kĩ năng; thực hành; công tác xã hội; sinh viên.

1. Giới thiệu

ABCD là chữ viết tắt của “asset based community development”, được dịch là “phát triển cộng đồng dựa vào tài sản, nguồn lực tại chỗ” hay “phát triển cộng đồng dựa vào tiềm năng cộng đồng” (Cunningham & Mathie, 2012).

Trong thực hành Công tác xã hội (CTXH) tại cộng đồng, phương pháp ABCD đóng vai trò thu hút người dân tham gia cùng với sinh viên (SV) vào quá trình đánh giá nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh của cộng đồng để giải quyết vấn đề của họ. Thông qua việc sử dụng phương pháp ABCD, với các hoạt động “cùng ăn, cùng ở, cùng làm”, SV có điều kiện để rèn luyện các kĩ năng (KN) nghề nghiệp đã được học vào thực tiễn. Qua đó giúp SV hình thành được năng lực nghề nghiệp của người nhân viên CTXH với cộng đồng trong tương lai. Quá trình tham gia chính là sự học hỏi lẫn nhau giữa người dân và SV.

Tuy nhiên, trong nhiều năm tổ chức cho SV ngành CTXH thực hành tại cộng đồng cho thấy, SV còn thiếu

các KN trong việc triển khai các hoạt động thực hành, gặp khó khăn trong việc thu hút sự tham gia của người dân. Chúng tôi nhận thấy việc vận dụng phương pháp ABCD trong thực hành CTXH tại cộng đồng nhằm phát triển KN nghề nghiệp cho SV là điều cần thiết.

Bài viết này tác giả trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm sử dụng phương pháp ABCD để phát triển KN thực hành cho SV ngành CTXH Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

2. Cơ sở lí thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí thuyết

Nghiên cứu của Kretzmann & McKnight (2013) cho rằng, ABCD là một phương pháp nhằm tìm kiếm, khám phá và làm rõ những mặt mạnh trong cộng đồng như là một phương tiện cho sự phát triển bền vững Tác giả (McKnight, 2013, 66) cũng cho rằng, phương pháp ABCD là sử dụng các KN, kĩ thuật giúp người dân nhận ra tiềm năng, nội lực của mình từ đó xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng dựa trên những gì sẵn có Lisaa (2006) cho rằng, phương pháp ABCD là cách tiếp cận giảm nghèo thông qua tạo hành động tập thể của cộng đồng, cho họ kiểm tra, can thiệp, lấy các tổ chức cộng đồng làm động lực phát triển.

* Tác giả liên hệ

Bùi Đình Tuấn

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Email: bdtuan@ued.udn.vn

Nghiên cứu của Mike Green (2007) cho rằng, tài sản trong bối cảnh của phương pháp ABCD được hiểu như là tài lực, nó bao gồm con người với những kinh nghiệm sống, kiến thức, kỹ năng, tài nguyên thiên nhiên, các tổ chức hội đoàn, các doanh nghiệp và các tổ chức không chính thức.

Sử dụng phương pháp ABCD là một cách tiếp cận mới trong phát triển cộng đồng dựa vào nguồn lực tại chỗ. Sự nỗ lực của cộng đồng kết hợp với sự hỗ trợ từ bên ngoài nhằm giúp cộng đồng vượt qua được những vấn đề họ gặp phải. Tại Việt Nam, vào thập niên 90 của thế kỉ 20 mới được quan tâm nghiên cứu, vận dụng trong xóa đói giảm nghèo tại các vùng nông thôn và miền núi. Một số nghiên cứu của các tác giả: Bằng (2008), Chu (2008), Ngô (2005), Tô (2013), Trịnh & Nguyễn (2012) cũng đã nghiên cứu về phương pháp ABCD ở khía cạnh làm rõ thêm về nội dung, mục đích ý nghĩa, các nguyên tắc, bộ công cụ của phương pháp ABCD, cũng như cách thức vận dụng vào các chương trình giảm nghèo tại cộng đồng. Tuy nhiên, nghiên cứu thực nghiệm sử dụng phương pháp ABCD để phát triển KN thực hành CTXH cho SV thì chưa có nghiên cứu chính thức nào.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, để có được kết quả trung thực và khách quan, chúng tôi sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, gồm: phỏng vấn sâu, điều tra sử dụng bảng hỏi, quan sát tham dự, nghiên cứu sản phẩm, hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, thống kê toán học. Bài viết này tác giả trình bày quy trình tổ chức thực nghiệm, so sánh kết quả thực nghiệm giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sử dụng phương pháp ABCD để phát triển KN thực hành CTXH cho SV.

2.2.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành nhằm đánh giá mức độ phát triển các KN thực hành CTXH với cộng đồng của SV thông qua việc sử dụng phương pháp ABCD.

2.2.2. Đối tượng thực nghiệm

66 SV đang học năm thứ 3 ngành CTXH, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, chuẩn bị thực hành CTXH tại cộng đồng theo kế hoạch đào tạo. SV được chia thành hai nhóm ngẫu nhiên, nhóm thực nghiệm có 33 SV, nhóm đối chứng có 33 SV.

Để đảm bảo khách quan, chúng tôi chọn SV cùng một lớp, một chương trình đào tạo, một giáo viên giảng

dạy, cùng thời gian thực hành tại một cộng đồng. Ngoài ra phải cân đối về giới tính, học lực, hạnh kiểm và khả năng tổ chức các hoạt động tại cộng đồng.

2.2.3. Phương pháp nghiên cứu trong khi thực nghiệm

Quan sát tham dự: chúng tôi tham dự các hoạt động thực hành tại cộng đồng của SV để quan sát quá trình SV làm việc nhóm, triển khai các công cụ của phương pháp ABCD cùng với người dân.

Trò chuyện, phỏng vấn sâu: trò chuyện trực tiếp với SV và người dân tại cộng đồng để thu thập thông tin. Tổ chức phỏng vấn sâu người dân và SV với những câu hỏi chuẩn bị sẵn để đánh giá mức độ thực hiện các KN của SV hai nhóm.

Nghiên cứu trên sản phẩm hoạt động: cụ thể là thông qua nhật kí hoạt của cá nhân SV, các sản phẩm do SV cùng người dân thực hiện trên giấy A0, (sơ đồ lát cắt cộng đồng, sơ đồ Venn, lịch mùa vụ, sơ đồ tài nguyên,...).

Điều tra bằng bảng hỏi: sử dụng bảng hỏi để khảo sát mức độ thực hiện các KN của SV trước và sau khi thực nghiệm.

2.2.3. Nội dung thực nghiệm

Đối với nhóm thực nghiệm, chúng tôi tổ chức cho SV sử dụng phương pháp ABCD trong thời gian thực hành tại cộng đồng. Đối với nhóm đối chứng, SV thực hành CTXH với cộng đồng theo như kế hoạch, không sử dụng phương pháp ABCD.

Chúng tôi tiến hành tổ chức cho SV hai nhóm đối chứng và thực nghiệm thực hành song song với nhau tại cộng đồng. Thời gian thực nghiệm diễn ra 45 ngày (từ ngày 15 tháng 4 năm 2018 đến ngày 30 tháng 5 năm 2018, theo kế hoạch thực hành của Khoa.

2.2.4. Tiến trình thực nghiệm

Bước 1: Chuẩn bị thực nghiệm

Xây dựng công cụ, các tiêu chí đánh giá, thang đo để đo lường mức độ thực hiện các KN của SV trước và sau khi thực nghiệm, cũng như đối sánh kết quả giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng.

Bước 2: Tiến hành thực nghiệm

Trước khi thực nghiệm, chúng tôi tiến hành đo lường đầu vào mức độ thực hiện các KN thực hành CTXH với cộng đồng của SV thuộc cả hai nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Kết quả thu được làm cơ sở để so sánh đối chiếu với kết quả sau khi kết thúc thực nghiệm.

Trong thời gian thực nghiệm mỗi nhóm đều có giáo viên kiểm huấn hỗ trợ nhằm đảm bảo đạt mục tiêu thực hành tại cộng đồng. Đối với nhóm thực nghiệm yêu cầu triển khai các công cụ của phương pháp ABCD có sự giám sát của giáo viên hướng dẫn.

Bước 3: Đánh giá kết quả sau thực nghiệm

Kết thúc thực nghiệm, chúng tôi đo lường đầu ra mức độ thực hiện các KN của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng bằng phiếu hỏi, kết hợp phỏng vấn sâu và thu thập sản phẩm hoạt động của nhóm SV để phân tích đánh giá.

2.2.5. Công cụ đánh giá kết quả thực nghiệm

Phương pháp chính để đánh giá mức độ phát triển KN của SV là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Bảng hỏi bao gồm 21 tiêu chí đánh giá, với thang điểm đánh giá như sau: Mức thấp - Hiểu được lý thuyết nhưng chưa thực hiện được (1 điểm); Mức trung bình - Thực hiện được hành động nhưng còn nhiều sai sót (2 điểm); Mức khá - Thực hiện được hành động trong điều kiện quen thuộc (3 điểm); Mức cao - Thực hiện hành động một cách sáng tạo trong mọi điều kiện (4 điểm).

Kết quả thu được từ bảng hỏi, được xử lý theo phương pháp thống kê toán học, sử dụng phần mềm SPSS 23.0 để tính độ lệch chuẩn, tổng điểm, trung bình, tỉ lệ phần trăm, thứ bậc. Ngoài ra chúng tôi kết hợp phương pháp quan sát tham dự, phỏng vấn sâu và thu thập các sản phẩm hoạt động của nhóm SV để có sự đánh giá khách quan.

3. Kết quả và đánh giá

3.1. Kết quả thực nghiệm

3.1.1. Mức độ thực hiện các kỹ năng trước và sau khi thực nghiệm

Từ chỗ SV đã nắm vững lý thuyết đến hình thành được năng lực nghề nghiệp không hề dễ dàng, đòi hỏi phải có quá trình rèn luyện thường xuyên, nhất là đối với SV học ngành CTXH, được đào tạo để làm việc trực tiếp với con người. Vì vậy, mỗi SV cần phải thực hành thuần thực các KN nghề nghiệp, có thể làm việc với nhiều đối tượng, cộng đồng khác nhau nên việc phát triển các KN của SV luôn được quan tâm trong suốt quá trình đào tạo. Sử dụng phương pháp ABCD trong thực hành CTXH với cộng đồng đã giúp cho nhiều KN của SV được rèn luyện và phát triển ở mức độ cao hơn (xem Bảng

1). Để thấy được mức độ phát triển các KN của SV trước và sau khi thực nghiệm sử dụng phương pháp ABCD, chúng tôi so sánh kết quả đánh giá mức độ thực hiện các KN của SV trước và sau khi thực nghiệm như sau:

Bảng 1. So sánh mức độ thực hiện các kỹ năng trước và sau khi thực nghiệm

Tên các kỹ năng	Trước TN		Sau TN	
	Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc
KN truyền thông, giao tiếp	2.45	1	3.94	2
KN quan sát tham dự	1.92	14	3.20	5
KN làm việc nhóm	2.33	2	3.96	1
KN quản lý thời gian	1.81	19	3.07	8
KN vấn đàm	2.20	6	2.76	15
KN thăm hỏi gia đình	2.14	8	2.91	12
KN biện hộ	1.62	21	2.27	20
KN thương lượng	1.94	13	2.32	19
KN lập kế hoạch cá nhân	2.31	3	3.31	4
KN giải quyết mâu thuẫn	1.86	17	2.73	16
KN thiết lập mối quan hệ tin cậy	2.12	9	3.03	9
KN thu hút sự tham gia của người dân	1.89	16	3.01	10
KN thu thập thông tin về cộng đồng	2.03	11	2.94	11
KN nhận diện vấn đề cộng đồng	1.89	15	2.79	14
KN đánh giá nguồn lực cộng đồng	2.16	7	3.36	3
KN vận động, điều phối nguồn lực	1.83	18	2.53	17
KN liên kết các nhóm trong cộng đồng	2.06	10	2.36	18
KN tổ chức cuộc họp đa thành phần	1.70	20	2.08	21
KN xây dựng kế hoạch can thiệp	2.22	5	3.20	6
KN triển khai hoạt động can thiệp	2.24	4	3.09	7
KN lượng giá các hoạt động	2.02	12	2.81	13
Trung bình chung	2.03		2.92	

Trước khi thực nghiệm phương pháp ABCD, chúng tôi tiến hành đo đầu vào mức độ thực hiện các KN của cả hai nhóm thực nghiệm và đối chứng. Từ kết quả ở Bảng 1 so sánh mức độ thực hiện các KN của SV trước và sau thực nghiệm cho thấy, hầu hết SV đều tự đánh giá mức độ thực hiện các KN của mình tương đối thấp,

điểm trung bình chung ($x=2.03$). Có 9/21 KN được đánh giá ở mức độ thấp, chiếm (42.8%), 12/21 KN đánh giá ở mức độ trung bình chiếm (57.2%), đáng chú ý là không có KN nào được đánh giá ở mức độ khá và cao. Trong đó, KN truyền thông giao tiếp có điểm trung bình cao nhất ($x=2.45$, thứ hạng 1/21) được đánh giá ở mức độ thực hiện tốt nhất. Tiếp theo là KN làm việc nhóm cũng được SV đánh giá là có thể thực hiện tốt ($x=2.33$, thứ hạng 2/21), SV cho rằng KN làm việc nhóm được coi là thế mạnh của SV ngành CTXH, trong suốt quá trình học SV được thực hành thường xuyên tại lớp cũng như các cơ sở xã hội nên được đánh giá là dễ dàng thực hiện hơn.

Nhiều KN SV cho rằng mới chỉ nắm sơ bộ về mặt lý thuyết trên lớp, còn việc triển khai cụ thể thế nào tại cộng đồng đang là một thách thức, như: KN biện hộ, ($x=1.62$, thứ hạng 21/21), KN tổ chức cuộc họp đa thành phần, ($x=1.7$, thứ hạng 20/21), KN vận động, điều phối nguồn lực, ($x=1.83$, thứ hạng 18/21). Đây là một trong những KN đặc thù của ngành CTXH rất khó, yêu cầu SV phải nắm vững lý thuyết, kết hợp với các KN như: KN giao tiếp, KN truyền thông, KN liên kết nhóm, KN giải quyết mâu thuẫn, KN thương lượng,... thì mới có thể thực hiện tốt được.

Sau khi thực nghiệm, đánh giá kết quả đầu ra cho thấy, điểm trung bình chung của nhóm thực nghiệm tăng từ trung bình ($x=2.03$) lên mức khá ($x=2.92$). Có 14/21 KN đạt ở mức độ khá (chiếm 66.7%), có 2/21 KN đạt ở mức độ cao (> 3.5 đến 4 điểm, chiếm 9.5%). Trong đó, một số KN có sự tiến bộ vượt bậc như: KN quan sát tham dự từ thứ bậc 14 lên thứ bậc 5/21, KN quản lý thời gian từ thứ bậc 19 lên thứ bậc 8/21, KN thu hút sự tham gia của người dân từ thứ bậc 15 lên thứ bậc 10/21; KN đánh giá tài sản/ nguồn lực cộng đồng tăng từ thứ bậc 7 lên thứ bậc 3/21. Qua trao đổi với một số SV cho rằng, “*Đây cũng là lần đầu tiên SV được vận dụng phương pháp ABCD vào thực tế một cộng đồng nên còn lúng túng, thiếu kinh nghiệm trong xử lý các tình huống phát sinh, nhiều KN phải thực hiện nhiều lần mới có hiệu quả.*”

Như vậy, qua so sánh mức độ thực hiện các KN của SV trước và sau khi thực nghiệm cho thấy có sự thay đổi tích cực. Hầu hết điểm trung bình các KN của SV đều tăng lên, số lượng KN thực hiện đạt ở mức độ khá cao hơn nhiều so với trước thực nghiệm không có KN nào đạt mức độ khá và cao. Đây là kết quả thể hiện sự tiến bộ rất nhanh của SV.

3.1.2. Mức độ thực hiện các KN của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau khi kết thúc thực nghiệm

Sau khi kết thúc thực nghiệm, chúng tôi tiến hành đo lường kết quả đầu ra của cả nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng để thấy được sự khác biệt giữa nhóm SV có sử dụng phương pháp ABCD để phát triển KN trong thực hành CTXH so với nhóm không sử dụng phương pháp ABCD. Thông thường thì sau mỗi lần thực hành, SV được rèn luyện các KN thực tiễn thì mức độ thực hiện các KN sẽ tiến bộ hơn so với không được thực hành. Việc vận dụng phương pháp ABCD để phát triển các KN thực hành CTXH tại cộng đồng cho SV đã cho thấy những hiệu quả tích cực hơn. Kết quả đánh giá được thể hiện như sau (xem Bảng 2):

Bảng 2. So sánh mức độ phát triển các KN của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm

Tên các KN	Nhóm ĐC		Nhóm TN	
	Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc
KN truyền thông, giao tiếp	3.56	1	3.94	2
KN quan sát tham dự	2.30	14	3.20	5
KN làm việc nhóm	3.12	2	3.96	1
KN quản lý thời gian	2.22	17	3.07	8
KN vấn đàm	2.64	7	2.76	15
KN thăm hỏi gia đình	2.59	8	2.91	12
KN biện hộ	2.05	20	2.27	20
KN thương lượng	2.06	19	2.32	19
KN lập kế hoạch cá nhân	2.95	4	3.31	4
KN giải quyết mâu thuẫn	2.24	16	2.73	16
KN thiết lập mối quan hệ tin cậy	2.65	9	3.03	9
KN thu hút sự tham gia của người dân	2.29	15	3.01	10
KN thu thập thông tin về cộng đồng	2.53	10	2.94	11
KN nhận diện vấn đề cộng đồng	2.81	6	2.79	14
KN đánh giá nguồn lực cộng đồng	2.97	3	3.36	3
KN vận động, điều phối nguồn lực	2.21	18	2.53	17
KN liên kết các nhóm trong cộng đồng	2.34	13	2.36	18
KN tổ chức cuộc họp đa thành phần	2.01	21	2.08	21
KN xây dựng kế hoạch can thiệp	2.50	11	3.20	6
KN triển khai hoạt động can thiệp	2.90	5	3.09	7
KN lượng giá các hoạt động	2.41	12	2.81	13
Điểm trung bình chung	2.53		2.92	

Kết quả từ Bảng 2 cho thấy, mức độ phát triển các KN của SV giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm có sự khác biệt. Điểm trung bình chung của nhóm đối chứng không sử dụng phương pháp ABCD ($x=2.53$), nhóm thực nghiệm sử dụng phương pháp ABCD để phát triển KN ($x=2.92$). Nhóm đối chứng có 7/21 KN được SV thực hiện ở mức khá chiếm (33.3%), có 14/21 KN thực hiện ở mức độ trung bình chiếm (66.7%), không có KN thực hiện ở mức độ thấp và cao. Đối với nhóm thực nghiệm, có 14/21 KN thực hiện đạt ở mức độ khá chiếm (66.7%), 5/21 KN ở mức độ trung bình chiếm (23.8%), có 2/21 KN đạt ở mức độ cao chiếm (9.5%), không có KN thực hiện ở mức độ thấp. Đối với nhóm đối chứng không sử dụng phương pháp ABCD để phát triển KN thì mức độ phát triển các KN thực hành CTXH với cộng đồng cũng cho thấy sự tiến bộ, trước thực hành điểm trung bình chung các KN ($x=2.03$) và sau thực hành ($x=2.53$). Đối với nhóm thực nghiệm sử dụng phương pháp ABCD, cho thấy mức độ phát triển các KN của SV tốt hơn, điểm trung bình chung các KN trước thực nghiệm ($x=2.03$) và sau thực nghiệm là ($x=2.92$).

Quá trình quan sát tham dự trong các hoạt động của SV tại cộng đồng cho thấy, mức độ thực hiện các KN của SV được lặp lại nhiều lần và ngày càng thuần thục hơn, như: KN làm việc nhóm, KN thu hút sự tham gia, KN truyền thông, KN đánh giá vấn đề,...

Từ bảng so sánh kết quả mức độ thực hiện các KN thực hành CTXH với cộng đồng giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm cho thấy, nhóm sử dụng phương pháp ABCD để phát triển KN có điểm trung bình cao hơn nhóm không sử dụng phương pháp ABCD ($x=2.92$) và ($x=2.53$). Phỏng vấn sâu SV L.T.N cho biết “việc người dân tham gia cùng làm việc nhóm với SV đã giúp SV triển khai phương pháp ABCD thuận lợi, SV có điều kiện thực hành các KN làm việc với người dân, được học hỏi từ họ”.

Mức độ phát triển các KN thực hành CTXH của SV còn được đánh giá thông qua các sản phẩm do SV cùng với người dân thực hiện tại cộng đồng, như: sơ đồ lát cắt cộng đồng, sơ đồ Venn, sơ đồ cây vấn đề, lược sử cộng đồng,... đều đạt yêu cầu ở mức khá và tốt.

3.2. Đánh giá

Từ việc so sánh về mức độ thực hiện các KN thực hành CTXH của SV trước và sau thực nghiệm cho thấy, mức độ phát triển các KN của SV cả nhóm thực nghiệm

và nhóm đối chứng đều có sự thay đổi tích cực. Đối với nhóm thực nghiệm sử dụng phương pháp ABCD, có nhiều KN của SV đạt ở mức độ khá và cao hơn so với nhóm đối chứng, không có KN nào đạt ở mức độ thấp. Nhiều KN của SV cho thấy sự tiến bộ rất nhanh, càng về sau SV càng chủ động trong việc triển khai phương pháp ABCD mà không cần đến sự hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn. Tuy nhiên, kết quả thực nghiệm cũng cho thấy mức độ phát triển các KN chưa đồng đều, phần lớn các KN mới đạt ở mức độ khá chiếm (66,7%), tỉ lệ KN đạt ở mức trung bình còn cao chiếm (23,8%), số KN đạt ở mức cao còn khiêm tốn chiếm (9,5%).

4. Kết luận

Kết quả tổ chức thực nghiệm sử dụng phương pháp ABCD để phát triển KN thực hành CTXH tại cộng đồng cho SV ngành CTXH cho thấy:

Mức độ thực hiện các KN của SV trước và sau thực hành tại cộng đồng có sự chuyển biến tích cực, điều này càng khẳng định rằng học phải đi đôi với hành, SV cần có môi trường để rèn luyện KN nghề nghiệp thường xuyên thì mới đáp ứng được yêu cầu của một nghề thực hành sau khi tốt nghiệp.

So sánh kết quả thực nghiệm giữa nhóm SV đối chứng và nhóm SV thực nghiệm cho thấy, mức độ thực hiện các KN trong thực hành CTXH với cộng đồng của SV ở nhóm thực nghiệm là tốt hơn so với nhóm đối chứng. Phần lớn SV nhóm thực nghiệm thực hiện các KN ở mức độ khá so với nhóm đối chứng chủ yếu ở mức độ trung bình. Điều này cho thấy việc sử dụng phương pháp ABCD trong thực hành CTXH tại cộng đồng đã phát triển được KN của SV ở mức độ nhất định.

Qua thực nghiệm cũng nhận thấy một số khó khăn khi sử dụng phương pháp ABCD, như: phụ thuộc vào thời gian của người dân, hiểu biết của người dân về CTXH, sự phối hợp của chính quyền và người dân, nguồn lực để triển khai các công cụ của phương pháp ABCD, nguồn lực của SV không đủ.

Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị nhằm phát triển KN thực hành CTXH cho SV thông qua sử dụng phương pháp ABCD như sau: tập huấn KN sử dụng phương pháp ABCD cho SV trước khi thực hành; chia SV thành từng nhóm nhỏ để thực hành hiệu quả; giám sát, khích lệ SV và người dân thường xuyên; chuẩn hóa tài liệu về phương pháp

ABCD để phát cho SV; thực hiện 3 cùng “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” để hội nhập với cộng đồng; thiết lập mối quan hệ tin tưởng, tôn trọng các giá trị của cộng đồng; thời gian thực hành tại cộng đồng linh hoạt phù hợp với công việc của người dân; cần có sự phối hợp giữa giáo viên và cán bộ cộng đồng để kiểm huấn cho SV; tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về nghề CTXH.

Tài liệu tham khảo

- Bằng, L. (2008). Một cộng đồng đi lên từ nhóm nhỏ. *Blog CTXH chuyên nghiệp*.
- Chu, D. (2008). Cách tiếp cận mới trong phát triển cộng đồng. *Tạp san Khoa học*, 5(6), 28-31.
- Cunningham, G., & Mathie, A. (2012). Asset-Based Community Development - An Overview. *Paper Presented at the Asset Based Community Development Workshop, Bangkok*, 221-227.
- Kretzmann, JP., & McKnight, JL. (2013). *Building communities from the inside out: A path toward finding and mobilizing a community's assets*. Evanston, IL. Center for Urban Affairs and Policy Research, Northwestern University.
- Lisaa, M. H. (2006). *Development of a Community Economic Development Course Curriculum for the Department of Social Work and Community Development*. Dalat University.
- McKnight, J. (2013). *A Basic Guide to ABCD Community Organizing*. Evanston IL, Asset Based Community Development Institute.
- Ngô, A. T. (2005). Phương pháp tiếp cận ABCD một cách nhìn mới trong phát triển cộng đồng. *Tạp san Khoa học của Trường CBQLNN & PTNT2*, 28.
- Tô, P. O. (2013). Nâng cao hiệu quả chương trình thực tập nghề đối với SV công tác xã hội hiện nay - thực trạng và hướng giải quyết. *Ki yếu Hội thảo Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 273-280.
- Trình, V. T., & Nguyễn, T. T. (2012). Phát triển cộng đồng ở Việt Nam: Thực trạng và định hướng các cách tiếp cận trong bối cảnh mới. *Ki yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế Công tác Xã hội và Chính Sách Xã hội*, 82-91.
- Mike Green (2007). ABCD Institute, School of Education and Social Policy, Walter Annenberg Hall, Room 148, Northwestern University, 2120 Campus Drive, Evanston, IL 60208-41, 13.

DEVELOPING PRACTICAL SKILLS FOR STUDENTS MAJORING IN SOCIAL WORK AT THE UNIVERSITY OF SCIENCE AND EDUCATION - UNIVERSITY OF DANANG

Bui Dinh Tuan

The University of Danang - University of Science and Education

Abstract: The goal of higher education is not only to provide academic knowledge but also to form professional competencies in learners. Social work is a profession based on direct practice with people, requiring professional skills to be improved. In order to develop those skills, we conducted an experiment using the ABCD method applied to 66 third-year students majoring in social work. The experiment lasted 45 days of practice in community. A comparison of the results between the experimental group and the control group showed that the skill performance levels of the control group and the experimental group recorded average scores ($x=2.53$) and ($x=2.92$) respectively. Hence, the application of the ABCD method in enhancing social work practice skills for students has proved to be effective.

Key words: the ABCD method; skill; practice; social work; student.